

**CÔNG TY TNHH TM-DV B.M**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM-DV B.M

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702984021

**3. Ngày thành lập:** 27/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 300/19, Đường Phú Lợi, Khu phố 5, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0966464460

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                                          | 0115     |
| 2.  | Trồng cây ăn quả                                                       | 0121     |
| 3.  | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                          | 1101     |
| 4.  | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                     | 1103     |
| 5.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                | 1313     |
| 6.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                         | 1410     |
| 7.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                   | 1430     |
| 8.  | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì                      | 1702     |
| 9.  | In ấn                                                                  | 1811     |
| 10. | Dịch vụ liên quan đến in                                               | 1812     |
| 11. | Sản xuất điện                                                          | 3511     |
| 12. | Xây dựng nhà để ở                                                      | 4101     |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                | 4102     |
| 14. | Phá dỡ                                                                 | 4311     |
| 15. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                    | 4511     |
| 16. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                            | 4512     |
| 17. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác     | 4530     |
| 18. | Bán mô tô, xe máy                                                      | 4541     |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                     | 4610     |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620     |
| 21. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                         | 4631     |
| 22. | Bán buôn thực phẩm                                                     | 4632     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633(Chính) |
| 24. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                    | 4641        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 27. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 28. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 31. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771        |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773        |
| 33. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                        | 4781        |
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                       | 6820        |
| 35. | Quảng cáo                                                                                                                                                               | 7310        |
| 36. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710        |
| 37. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                              | 7820        |
| 38. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121        |
| 39. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129        |
| 40. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **DIỆP BẢO MINH**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Chủ tịch công ty kiểm soát**

Sinh ngày: **16/12/1995**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **079095014971**

Ngày cấp: **08/05/2020**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Số 22/18C, Đường Nguyễn Thời Trung, Phường 06, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Số 22/18C, Đường Nguyễn Thời Trung, Phường 06, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương**